

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 496/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi;
2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2021/QĐST-HPT ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Hạ V - sinh năm: 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: B1.22.08 chung cư E, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng V - sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: 92/16/3 đường N, phường B, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Đoàn Thị Hạ V trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, bà V và ông Lê Hồng V tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hiệp huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền số 01/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó, giữa hai vợ chồng ngày càng có

nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hòa giải được. Hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, nay nhận thấy giữa hai vợ chồng không còn tình yêu, tình cảm và sự chia sẻ với nhau. Bà V cảm nhận cuộc hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, bà V đề nghị được ly hôn với ông V1.

- Về con chung: giữa bà V và ông V1 có 02 con chung tên Lê Đoàn Gia H (giới tính nam, sinh ngày 14/3/2007) và Lê Đoàn Gia H2 (giới tính nam, sinh ngày 31/7/2009). Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Gia H2, giao trẻ Gia H cho ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà V tự khai không có.

Bị đơn, ông Lê Hồng V xác nhận lời trình bày của bà V về thời điểm kết hôn và cuộc sống hôn nhân sau khi kết hôn. Ngoài ra, ông V1 còn trình bày bổ sung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, vợ chồng ông V1 bà V chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống. Trải qua nhiều khó khăn, áp lực về tài chính nhưng vợ chồng vẫn yêu thương nhau, cùng nhau vượt qua những khó khăn để dần ổn định cuộc sống. Đến đầu tháng 9 năm 2020, ông V1 bắt đầu chuyển công việc mới (làm tài xế xe tải), cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tài chính, về lời nói dẫn đến việc làm tổn thương tình cảm dành cho nhau. Đến tháng 3 năm 2020, bà V chuyển ra ngoài sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay bà V yêu cầu được ly hôn thì ông V1 không đồng ý ly hôn với vì ông V1 còn rất yêu thương bà V, hai vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn.

- Về con chung: xác nhận giữa bà V và ông V1 có 02 con chung tên Lê Đoàn Gia H (giới tính nam, sinh ngày 14/3/2007) và Lê Đoàn Gia H2 (giới tính nam, sinh ngày 31/7/2009). Ông V1 đồng ý giao cho bà V được trực tiếp nuôi trẻ Gia H2, ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Gia H. Không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông V1 tự khai không có

Quá trình giải quyết vụ án,

- Ngày 09/11/2020, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trẻ Lê Đoàn Gia H và trẻ Lê Đoàn Gia H2 trình bày nguyện vọng là khi cha mẹ không chung sống với nhau, trẻ Gia H có nguyện vọng được chung sống với cha là ông V1, trẻ Gia H2 có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà V.

- Ngày 04 tháng 02 năm 2021, ông V1 đã bổ sung Bản tự khai với nội dung đồng ý ly hôn với bà V.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/3/2021 và ngày 22/3/2021, ông V1 vắng mặt không lý do.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Lê Hồng V của bà Đoàn Thị Hạ V, giao con chung tên Gia H2 cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Gia H cho ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, về tài sản chung và nợ chung không có; án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đoàn Thị Hạ V có đơn xin ly hôn với ông Lê Hồng V; tại thời điểm bà V nộp đơn xin ly hôn thì ông V1 cư trú tại Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V1 không có yêu cầu phản tố. Ông V1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ nhất vào ngày 01/3/2021 nhưng vắng mặt; Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vào ngày 22/3/2021 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V1.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

- Bà Đoàn Thị Hạ V và ông Lê Hồng V trình bày cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền số 01/2006. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông V1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

- Bà V nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông V1. Tại Bản tự khai đề ngày 30/11/2020 ông V1 không đồng ý ly hôn với bà V, mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng đến ngày 04/02/2021, ông V1 đồng ý ly hôn với bà V. Do đó, yêu cầu được ly hôn ông V1 của bà V có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông V1 đều trình bày có 02 con chung tên Lê Đoàn Gia H (giới tính nam, sinh ngày 14/3/2007) và Lê Đoàn Gia H2 (giới tính nam, sinh ngày 31/7/2009), nội dung trình bày của bà V và ông V1 phù hợp với Giấy khai sinh số 35 do UBND xã Đại Hiệp huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/4/2007 và Giấy khai sinh số 128 do UBND xã Đại Hiệp huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam cấp ngày 21/9/2009. Do đó, Hội đồng xét xử xác định 02 trẻ tên Lê Đoàn Gia H và Lê Đoàn Gia H2 là con chung của bà V và ông V1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Gia H2 và giao cho ông V1 được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Gia H. Ông V1 đồng ý với

yêu cầu này của bà V. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà V về con chung là có cơ sở.

Bà V trình bày cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, ông V1 trình bày ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông V1 không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H; việc cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H2 đôi bên tự thỏa thuận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông V1 tự khai không có

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định nêu trên.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà V chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Hạ V

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hạ V được ly hôn ông Lê Hồng V.

1.2 Về con chung: Bà Đoàn Thị Hạ V và ông Lê Hồng V có 02 con chung tên Lê Đoàn Gia H (giới tính nam, sinh ngày 14/3/2007) và Lê Đoàn Gia H2 (giới tính nam, sinh ngày 31/7/2009). Giao trẻ Lê Đoàn Gia H2 cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Lê Đoàn Gia H cho ông V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông V1 không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H; việc cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H2 đôi bên tự thỏa thuận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đoàn Thị Hạ V và ông Lê Hồng V tự khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Đoàn Thị Hạ V chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã tạm nộp theo Biên lai thu Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028059 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam cấp không còn giá trị kể từ ngày Bản án này có hiệu lực

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.TĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.TĐ;
- UBND X.Đại Hiệp, H.Đại Lộc, Quảng Nam;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đã ký

Lưu Hải Quỳnh Anh